



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

SÁCH TRẮNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM **2017**



Giới thiệu

SÁCH TRẮNG VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM **2017**

Ban Biên tập Sách Trắng 2017
Bộ Thông tin và Truyền thông

Hà Nội - 9/2017



Ý NGHĨA, TẦM QUAN TRỌNG

- ❖ Sách Trắng là ấn phẩm chính thức, có uy tín của Bộ Thông tin và Truyền thông.
- ❖ Phản ánh hiện trạng phát triển CNTT-TT Việt Nam trong năm 2015 và 2016.
- ❖ Số liệu trong Sách Trắng được tổng hợp từ báo cáo các Bộ, ngành, địa phương, các cơ sở đào tạo, hội, hiệp hội, doanh nghiệp CNTT; số liệu từ các đơn vị quản lý của Bộ TTTT.
- ❖ Giúp các cơ quan quản lý nhà nước hoạch định xây dựng chính sách; Cung cấp thông tin số liệu cho các tổ chức đánh giá xếp hạng của quốc tế; Cung cấp thông tin cho các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạch định chiến lược kinh doanh, tìm kiếm cơ hội đầu tư và hợp tác trong lĩnh vực CNTT-TT tại Việt Nam.
- ❖ Nội dung Sách Trắng hàng năm luôn được cập nhật, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và cập nhật thông tin.
- ❖ Sách Trắng được phát hành miễn phí đến các các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan chuyên trách về CNTT, các đại sứ quán có các quan hệ hợp tác về CNTT-TT với Việt Nam, một số hội, hiệp hội và doanh nghiệp CNTT-TT.



QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG SÁCH TRẮNG 2017

- **Tháng 2-3/2017:** Chuẩn bị:

- Thành lập Ban Biên tập Sách Trắng 2017 do Thứ trưởng Bộ TT&TT Nguyễn Thành Hưng làm Trưởng Ban, các thành viên Ban Biên tập là Lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ gồm các Vụ: CNTT, BC, KH-TC, HTQT, KH&CN, PC; các Cục: VT, Tin học hóa, PTTH & TTĐT, ATTT và Viện Chiến lược TT&TT. Vụ CNTT là đơn vị thường trực Ban Biên tập, chủ trì xây dựng nội dung.

- Thống nhất về đề cương Sách Trắng 2017.

- **Tháng 3-7/2017:** Thu thập thông tin, số liệu:

- Thu thập số liệu thuộc phạm vi Bộ quản lý: Các cơ quan, đơn vị liên quan chủ trì thu thập số liệu thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

- Một số cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GD&ĐT, Bộ KH&ĐT, Bộ KH&CN, Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dạy nghề cung cấp thông tin, số liệu liên quan.

- **Tháng 6,7/2017:** Tổng hợp, phân tích số liệu gửi về, hoàn thiện nội dung Sách Trắng báo cáo Lãnh đạo Bộ phê duyệt nội dung phiên bản tiếng Việt.

- **Tháng 8/2017:** Thiết kế và xuất bản Sách Trắng. Nhà Xuất bản TT&TT chịu trách nhiệm thiết kế và xuất bản.



ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH TRẮNG 2017

- ❖ Hệ thống chỉ tiêu phản ánh sự phát triển của ngành, phù hợp với một số chỉ tiêu của báo cáo đánh giá xếp hạng quốc tế
- ❖ Lược bớt những thông tin đã công bố trên các ấn phẩm khác của Bộ, đồng thời bổ sung thêm một số chỉ tiêu mới
- ❖ Hình thức gọn nhẹ, thuận tiện tra cứu, sử dụng
- ❖ Có 02 phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh



CẤU TRÚC CỦA SÁCH TRẮNG 2017

I. TỔNG QUAN VỀ HIỆN TRẠNG CNTT-TT VIỆT NAM NĂM 2016

II. HỆ THỐNG CÁC CƠ QUAN CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

III. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

IV. CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

V. AN TOÀN THÔNG TIN

VI. VIỄN THÔNG, INTERNET

VII. PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

VIII. BƯU CHÍNH

IX. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

X. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN VỀ CNTT-TT

XI. HỢP TÁC QUỐC TẾ

XII. CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VỀ CNTT-TT



TÓM TẮT NỘI DUNG SÁCH TRẮNG 2017

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

- ❖ **94,49%** máy tính trong cơ quan Bộ và **97,22%** máy tính trong cơ quan tỉnh/thành phố được kết nối Internet.
- ❖ **100%** các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ và 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trang/cổng thông tin điện tử.
- ❖ **100%** cơ quan nhà nước có mạng nội bộ và có đơn vị chuyên trách về CNTT.
- ❖ Dịch vụ công ổn định về cả số lượng và số địa phương triển khai với dịch vụ công mức độ 1,2 chiếm đa số với gần **97.394** dịch vụ năm 2016. Số lượng dịch vụ công mức độ 3 năm 2016 là **10,872** và số lượng dịch vụ công mức độ 4 năm 2016 là **1,378**.
- ❖ Nhân lực CNTT trong cơ quan nhà nước:
 - ✓ Bộ, cơ quan ngang Bộ: **71,29%** các đơn vị trực thuộc có cán bộ chuyên trách CNTT với số cán bộ chuyên trách trung bình là **3,86 người/đơn vị**. Tỉnh, thành phố: **91,67%** các đơn vị thuộc, trực thuộc sở, ngành và **93,95%** các đơn vị quận huyện có cán bộ chuyên trách CNTT với tỷ lệ cán bộ chuyên trách trung bình đạt **3,08** và **2,39** trên 1 đơn vị.
- ❖ 45% doanh nghiệp có Website; 99,64% doanh nghiệp kê khai thuế điện tử; 95,32% doanh nghiệp làm thủ tục hải quan điện tử.

CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

3.1. Doanh thu công nghiệp CNTT

Đơn vị tính: Triệu USD

TT	Chỉ tiêu	2015	2016 (Ước tính)	Tăng trưởng (Ước tính)
3.1.1	Tổng doanh thu công nghiệp CNTT	60.715	67.693	11,49%
3.1.2	Doanh thu phần cứng, điện tử	53.023	58.838	10,97%
3.1.3	Doanh thu phần mềm	2.602	3.038	16,80%
3.1.4	Doanh thu nội dung số	638	739	15,83%
3.1.5	Dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	4.453	5.078	14,04%

Nguồn: Tổng hợp số liệu báo cáo của các địa phương

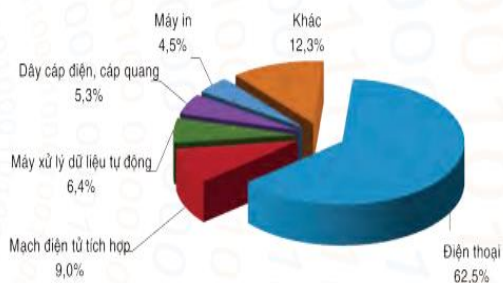
3.2. Xuất nhập khẩu CNTT

Đơn vị tính: Triệu USD

TT	Chỉ tiêu	2015	2016 (Ước tính)
3.2.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu CNTT	52.954	60.789
3.2.2	Kim ngạch xuất khẩu phần mềm	2.192	2.491
3.2.3	Kim ngạch xuất khẩu nội dung số	503	561
3.2.4	Kim ngạch xuất khẩu phần cứng, máy tính, điện tử	49.860	57.737
3.2.5	Kim ngạch nhập khẩu phần cứng, máy tính, điện tử	34.365	38.738

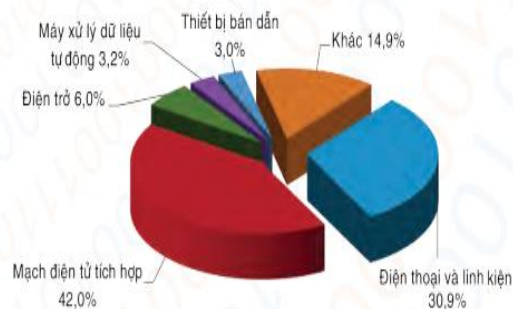
Nguồn: Tổng hợp số liệu báo cáo của các địa phương và Tổng cục Hải quan

3.2.6. Cơ cấu xuất khẩu phần cứng, điện tử năm 2016



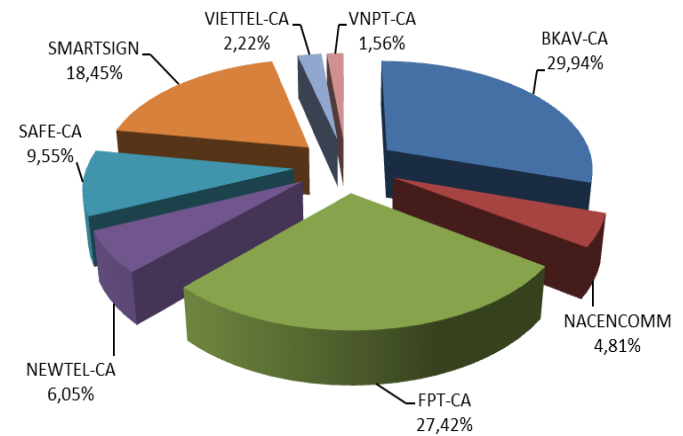
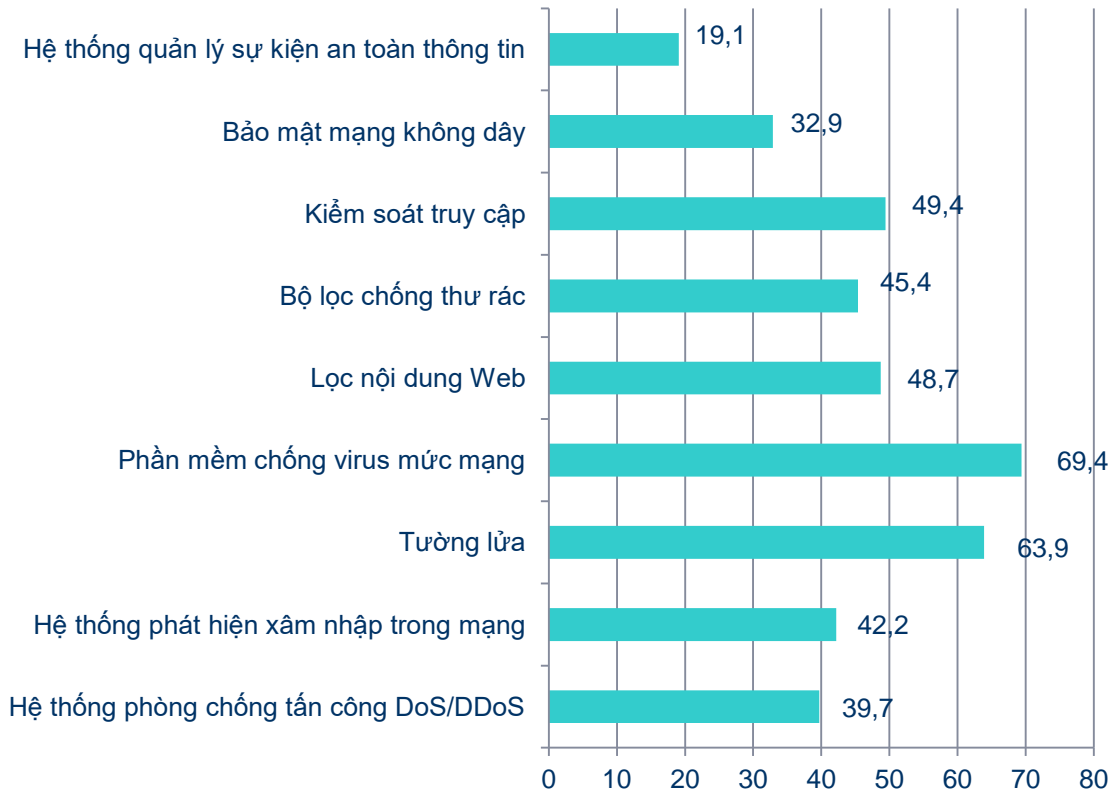
Nguồn: Tổng cục Hải quan

3.2.7. Cơ cấu nhập khẩu phần cứng, điện tử năm 2016



Nguồn: Tổng cục Hải quan

AN TOÀN THÔNG TIN



Thị phần dịch vụ chứng thư số công cộng 2016

VIỄN THÔNG, INTERNET

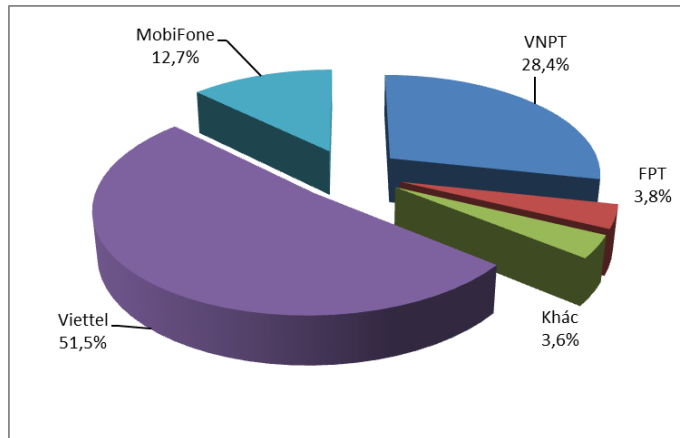
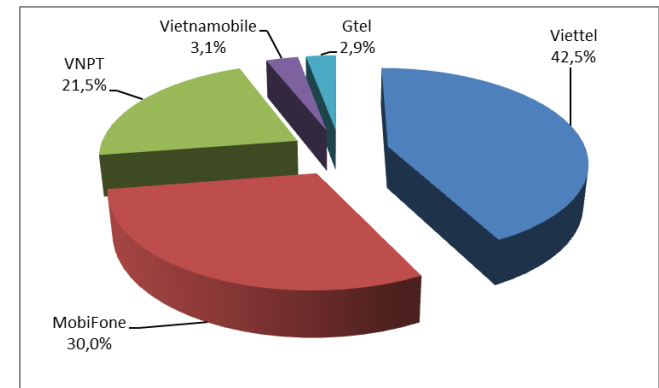
Số người sử dụng Internet: **50.231.474**

Số người sử dụng Internet/100 dân: **54,19**

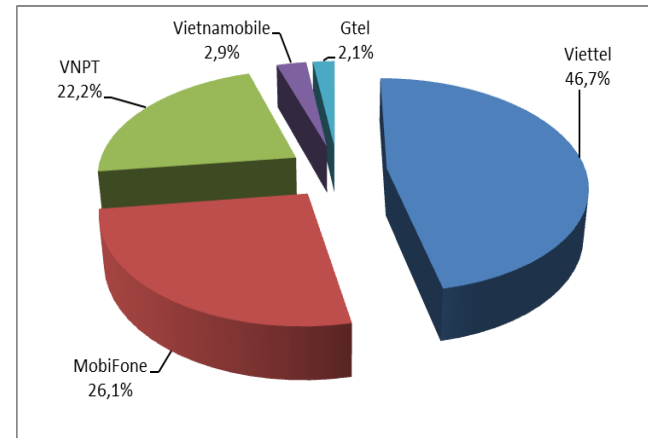
Số hộ gia đình có kết nối Internet: **6.841.981**

Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet: **27,3**

Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại di động mặt đất phát sinh lưu lượng thoại và tin nhắn (2G)



Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ băng rộng cố định và di động mặt đất



Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động mặt đất phát sinh lưu lượng thoại, tin nhắn, dữ liệu (2G và 3G)



TÓM TẮT NỘI DUNG SÁCH TRẮNG 2017

VIỄN THÔNG, INTERNET

1.2. Bảng rộng cố định mặt đất

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016
1.2.1	Số người sử dụng Internet	Người	49.288.223	50.231.474
1.2.2	Số người sử dụng Internet/100 dân	%	54	54,19

Năm 2016, số người sử dụng Internet của Việt Nam đạt hơn **50 triệu** nâng số người sử dụng Internet/100 dân đạt **54,19 người**.

Trong khi đó, tổng băng thông kết nối Internet quốc tế đạt trên **3.816.027 Mbit/s** tăng tới gần **128%** so với năm 2015.

Số thuê bao băng rộng di động phát sinh lưu lượng dữ liệu trên mạng 3G đạt hơn **36 triệu** thuê bao tăng so với năm 2015 nâng tổng số thuê bao di động/100 dân đạt **39 thuê bao**.

Trong năm 2016, với hơn **386.000** tên miền đăng ký mới, Việt Nam liên tục là nước có số lượng tên miền quốc gia đăng ký cao nhất khu vực ASEAN.

1.4. Bảng rộng di động mặt đất

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016
1.4.1	Số thuê bao băng rộng di động phát sinh lưu lượng thoại, tin nhắn, dữ liệu (3G)	Thuê bao	31.946.565	36.188.417
1.4.2	Số thuê bao băng rộng di động phát sinh lưu lượng thoại, tin nhắn, dữ liệu (3G)/100 dân	%	34,8	39

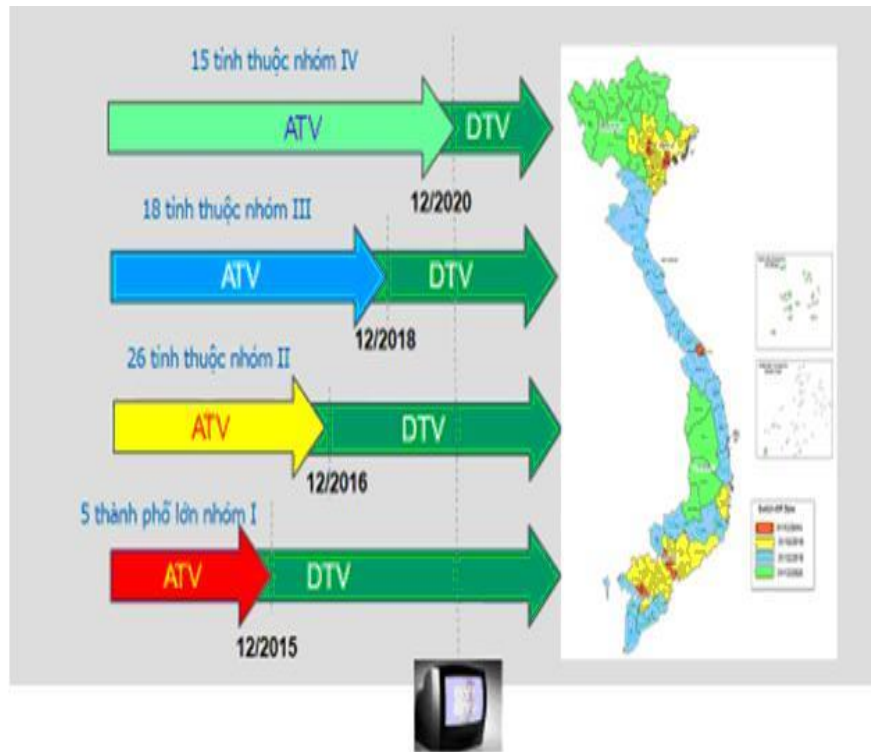
VIỄN THÔNG, INTERNET

TT	Chỉ tiêu	2015	2016
3.1.1	Doanh thu dịch vụ viễn thông cố định mặt đất	1.176,78	1.142,52
3.1.2	Doanh thu dịch vụ viễn thông cố định vệ tinh	0,084	0,033
3.1.3	Doanh thu dịch vụ viễn thông di động mặt đất	4.882,4	5.013
3.1.4	Doanh thu dịch vụ viễn thông di động vệ tinh	2,79	2,35
3.1.5	Doanh thu dịch vụ viễn thông di động hàng hải	0,178	0,174
3.1.6	Doanh thu dịch vụ viễn thông di động hàng không	-	-
	Tổng doanh thu dịch vụ viễn thông	6.062,23	6.158,08

- Năm 2016, doanh thu dịch vụ viễn thông di động mặt đất tiếp tục tăng, trong khi các dịch vụ viễn thông cố định mặt đất, cố định vệ tinh, di động vệ tinh, di động hàng hải **giảm** kéo theo tổng doanh thu dịch vụ viễn thông năm 2016 chỉ tăng ít so với 2015, đạt khoảng **6,2 tỷ USD**.

- Trong giai đoạn 2015-2016, số lượng doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ cố định mặt đất **tăng khoảng 20%** (104 năm 2016 so với 87 năm 2015) trong khi số doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ cố định mặt đất giảm nhẹ (74 năm 2016 so với 80 năm 2015); đã có **65** doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ Internet (**tăng 8**), và **51** doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ Internet (**giảm 1**).

PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH



Lần đầu tiên có số liệu về chỉ số đo lường định lượng khán giả truyền hình đối với các kênh thiết yếu quốc gia và kênh thiết yếu địa phương trên địa bàn TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh

PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH

- Thuê bao truyền hình cáp đạt gần 10,9 triệu, thuê bao truyền hình số mặt đất đạt hơn 512 nghìn, số thuê bao truyền hình số vệ tinh đạt gần 1,4 triệu và thuê bao truyền hình di động đạt gần 388 nghìn thuê bao.

- Kênh phát thanh, truyền hình: cả nước có **86** kênh phát thanh trong nước trong đó có **77** kênh phát thanh quảng bá, và **181** kênh truyền hình trong nước tăng 3 kênh so với năm 2015; số kênh nước ngoài được cấp phép trên dịch vụ phát thanh truyền hình trả tiền là **50** tăng **10** so với năm 2015.

- Tổng doanh thu phát thanh truyền hình đạt **gần 7.500 tỷ đồng**.



Thị phần (thuê bao) dịch vụ truyền hình trả tiền



TÓM TẮT NỘI DUNG SÁCH TRẮNG 2017

PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH

Chỉ số	Kênh	TP. Hà Nội	TP. HCM
Tỉ lệ khán giả xem truyền hình bình quân mỗi phút tính trên tổng thể khán giả (%)	Thống kê tính trên 221 kênh truyền hình được khảo sát thu thập số liệu tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.	14,3	14,4
Tỉ lệ khán giả xem truyền hình ít nhất 1 phút mỗi ngày tính trên tổng thể khán giả (%)	Thống kê tính trên 221 kênh truyền hình được khảo sát thu thập số liệu tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.	69,1	66,5
Tỉ lệ khán giả bình quân mỗi phút của từng kênh tính trên tổng thể khán giả các kênh thuộc nhóm kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ, chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương (%)	VTV1	18,7	3,1
	VTC1	1,5	0,9
	TTXVN	1,2	0,7
	ANTV	2,7	1,9
	QPVN	1,5	1,2
	H1	2,5	1,3
	HTV9	1,1	7,9

PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH

Tỉ lệ khán giả bình quân ngày tính trên tổng thể khán giả đã xem một kênh ít nhất 1 phút trong một khung giờ các kênh thuộc nhóm kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ, chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương (%)	VTV1	23,2	4,8
	VTC1	1,9	1,6
	TTXVN	1,5	0,7
	ANTV	3,4	2,5
	QPVN	2,5	1,3
	H1	3,6	1,6
	HTV9	1,4	13,0
Thị phần khán giả của kênh so với tất cả các kênh khác trong cùng một khoảng thời gian phát sóng các kênh thuộc nhóm kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ, chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương (%)	VTV1	51,9	9,4
	VTC1	5,0	3,4
	TTXVN	3,4	2,5
	ANTV	7,8	6,0
	QPVN	4,6	6,4
	H1	8,1	5,2
	HTV9	3,6	32,7

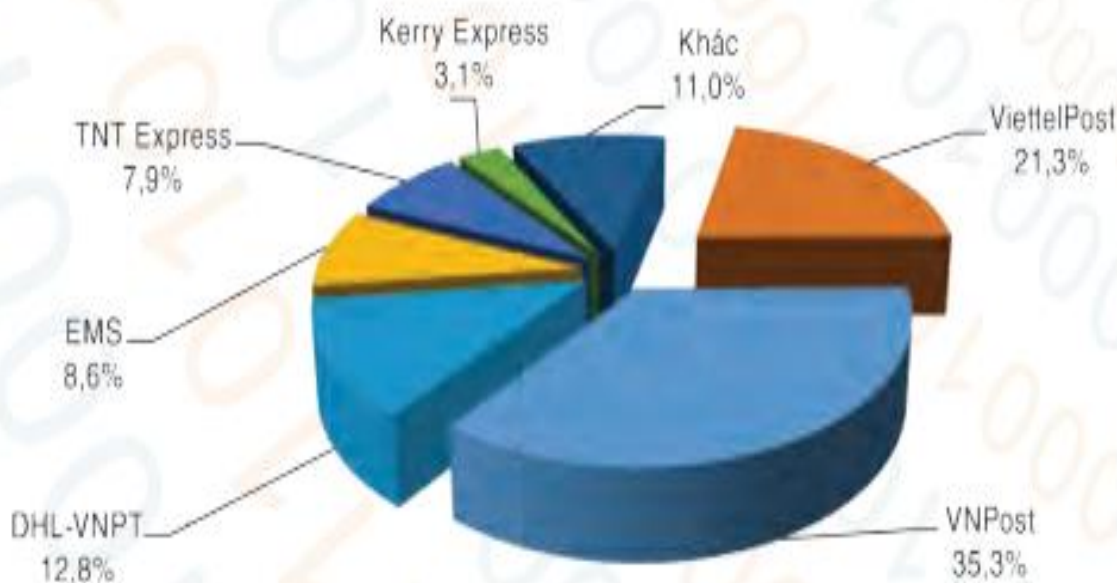
THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

- **Trang thông tin điện tử:** Năm 2016 đã có **1.323** trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp phép của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức không phải là cơ quan báo chí; có **172** trang thông tin điện tử của cơ quan báo chí.
- **Mạng xã hội:** Đã có **240** mạng xã hội trực tuyến đã được cấp phép, tăng **124** so với năm **2015**.
- **Trò chơi điện tử trên mạng:** Năm 2016, cả nước có **109** doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng tăng **50** so với năm 2015.



BƯU CHÍNH

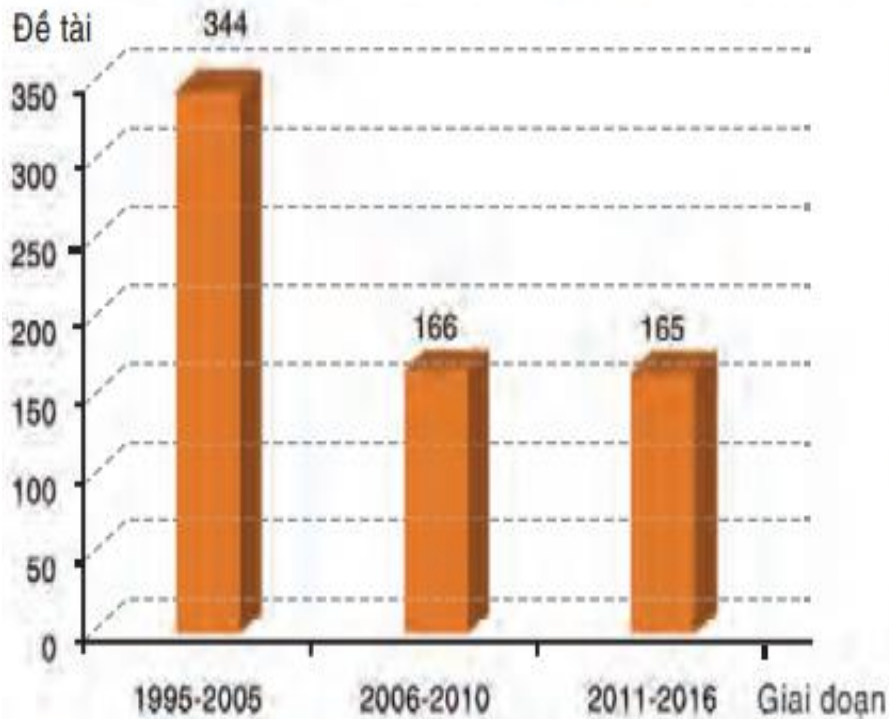
- Năm 2016, doanh thu dịch vụ bưu chính đạt trên **409 triệu USD**.
- Cả nước có **216** doanh nghiệp chính thức được cấp giấy phép bưu chính; **210** doanh nghiệp được xác nhận thông báo hoạt động và **248** doanh nghiệp được cấp giấy phép và xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.
- Về thị phần cung cấp dịch vụ bưu chính tính theo doanh thu năm 2016:



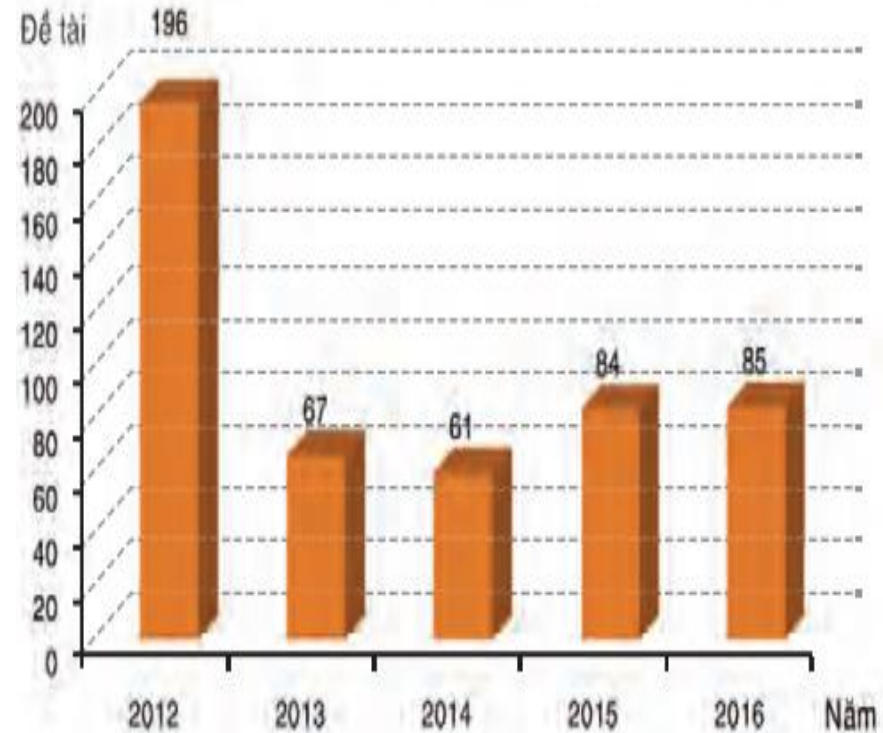


TÓM TẮT NỘI DUNG SÁCH TRẮNG 2017

NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VỀ CNTT-TT



Số lượng đề tài nghiên cứu cấp nhà nước về CNTT-TT



Số lượng đề tài nghiên cứu cấp Bộ về CNTT-TT của Bộ Thông tin và Truyền thông



TÓM TẮT NỘI DUNG SÁCH TRẮNG 2017

NHÂN LỰC CNTT-TT

Hệ thống đào tạo nguồn nhân lực CNTT-TT với **250** trường đại học và cao đẳng có đào tạo về CNTT, điện tử, viễn thông và an toàn thông tin.

- Đối với đào tạo ĐH, CĐ: Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh CNTT-TT là trên **68.000** sinh viên, tuy nhiên tỷ lệ thực tế tuyển sinh đại học, cao đẳng đạt **77,12%**, tỷ lệ tốt nghiệp đại học, cao đẳng ngành CNTT-TT **đạt 93,88%**.

- Đối với đào tạo nghề, cả nước có khoảng **164** trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề đào tạo về CNTT, điện tử, viễn thông và an toàn thông tin với tổng số chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng nghề, trung cấp nghề ngành CNTT, điện tử, viễn thông và an toàn thông tin là 18.311 sinh viên với tỷ lệ thực tế tuyển sinh là **68,27%**, tỷ lệ tốt nghiệp là **52,4%**.



TÓM TẮT NỘI DUNG SÁCH TRẮNG 2017

VĂN BẢN CHÍNH SÁCH VỀ CNTT-TT

Hệ thống văn bản chia theo các lĩnh vực, trong mỗi lĩnh vực chỉ đề cập đến Luật, Nghị định và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong Sách Trắng 2017, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án về CNTT-TT được gộp chung thành mục riêng.





TÓM TẮT NỘI DUNG SÁCH TRẮNG 2017

HỢP TÁC QUỐC TẾ





TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

Thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Vụ Công nghệ thông tin

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Điện thoại: 024-3943 7309

Fax: 024-3943 6404

Nhà Xuất bản Thông tin và Truyền thông

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà 115 Trần Duy Hưng,
Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024-3577 2139

Fax: 024-3557 9858